

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2024/DS-ST
Ngày: 18-7-2024
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng góp
hụi*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Huỳnh Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tường

2. Ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Sĩ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú,
tỉnh Bến Tre mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:
188/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp
hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2024/QĐXXST-DS ngày 04
tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1967. Địa chỉ: ấp P, xã Ph,
huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Hồ Thị Ng, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp B, xã Ph, huyện
Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Văn D, sinh năm:
1961. Địa chỉ: ấp B, xã Ph, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

(*Bà H, bà Ng, ông D có đơn xin xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho
Tòa án nguyên đơn trình bày:*

Từ năm 2022 tôi có tham gia chơi hụi với bà Hồ Thị Ng do bà Ng làm chủ
hụi, cụ thể như sau:

+ Hụi khai ngày 16/6/2022 (âm lịch) 22 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng;
tôi tham gia 01 phần và đóng được 19 tháng, tính hụi không lãi thì vợ chồng bà Ng
nợ tôi số tiền 24.700.000 đồng. Hụi khai ngày 24/9/2022 (âm lịch) 24 phần, mỗi

phần 2.000.000 đồng; tôi tham gia 01 phần và đóng được 15 tháng, tính hụi không lãi thì vợ chồng bà Ng còn nợ chị tôi số tiền 19.500.000 đồng.

Vào tháng 12/2023 (âm lịch) bà Hồ Thị Ng tuyên bố úp hụi với lý do nhiều hụi viên không đóng hụi chết cho bà. Số tiền hụi không lãi tổng cộng bà Ng và ông D còn nợ tôi là 44.200.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu hai trăm nghìn đồng) tôi có yêu cầu nhiều lần nhưng bà Ng và ông D có hứa hẹn nhưng không trả. Do đó nay tôi yêu cầu Toà án nhân dân huyện Thạnh Phú giải quyết buộc bà Hồ Thị Ng và ông Võ Văn D có nghĩa vụ liên đới trả cho tôi số tiền 44.200.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu hai trăm nghìn đồng); không yêu cầu tính lãi.

Ngày 12/6/2024 bà Nguyễn Thị H có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Theo bản khai, đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt bà Hồ Thị Ng và ông Võ Văn D trình bày:

Chúng tôi thừa nhận Năm 2022 bà Hồ Thị Ng có tổ chức chơi hụi, do bà Ng làm chủ, bà Ng có mở hai dây hụi vào ngày 16/06/2022 (âm lịch) và ngày 24/9/2022 (âm lịch), trong số 2 dây hụi nêu trên có chị Nguyễn Thị H tham gia. Đến tháng 12/2023 bà Ng tuyên bố vỡ hụi do nhiều hụi viên đã hốt hụi (hụi chết) không thực hiện góp hụi cho bà Ng. Chúng tôi thừa nhận còn thiếu chị Nguyễn Thị H dây hụi ngày 16/06/2022 (âm lịch) là 24.700.000 đồng và dây hụi ngày 24/9/2022 (âm lịch) là 19,500.000 đồng. Tổng số tiền hụi chúng tôi còn thiếu chị H là 44.200.000 đồng.

Ngày 17/6/2024 bà Ng, ông D có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

1.2 Bị đơn có nơi cư trú tại xã Ph, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú thụ lý đúng thẩm quyền.

1.3 Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan liên đới có nghĩa vụ trả số tiền còn thiếu là 44.200.000 đồng và không yêu cầu tính. Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là biên nhận nợ ngày 24/4/2024.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

2.1 Đối với số tiền bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn thiếu nguyên đơn là 44.200.000 đồng, bà Ng và ông D đều thừa nhận. Do đó, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

2.2 Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo về phiên công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bà Ng và ông D đều vắng mặt nên không thể hòa giải được. Ngoài ra, Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

2.3 Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và thừa nhận của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cần buộc bà Ng, ông D có nghĩa vụ trả liên đới trả cho bà H số tiền 44.200.000 đồng là phù hợp.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hộ, hui, biên, phường.

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, 35, 39 và khoản 1, 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với bà Hồ Thị Ng và ông Võ Văn D.

Buộc bà Hồ Thị Ng và ông Võ Văn D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 44.200.000 (Bốn mươi bốn triệu hai trăm nghìn) đồng.

Kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 2.210.000 (Hai triệu hai trăm mười nghìn) đồng, bà Hồ Thị Ng và ông Võ Văn D có nghĩa vụ nộp. Tuy nhiên, do bà Ng và ông D là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 1.105.000 (Một triệu một trăm lẻ năm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000144 ngày 26/4/2024.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- CCTHADS huyện Thạnh Phú.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Minh Trí